TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 06-02-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 716/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp Bình Đ, xã Gành H, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 095082006699; ngày cấp: 24/03/2022.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Ấp Bình Đ, xã Gành H, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 095181004053; ngày cấp: 24/03/2022.

(*Anh Th có đơn xét xử vắng mặt, chị Y vắng mặt không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Y chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ngày 14/11/2002.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, anh và vợ đã sống ly thân khoảng 08 năm nay. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm: 2004 và

Nguyễn Phước Tấn, sinh năm: 2006. Hiện nay các con đã thành niên và học xa nhà, không yêu cầu Tòa án xem xét; Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đối với Bị đơn: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Phạm Thị Y vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Tấn T được ly hôn chị Phạm Thị Y; Về con chung, tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Tấn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Phạm Thị Y. Chị Y có địa chỉ cư trú tại Ấp Bình Đ, xã Gành H, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Th có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 14/11/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tình trạng mâu thuẫn: Xét yêu cầu ly hôn của anh Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị Y đã kéo dài, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Thực tế, anh chị đã sống ly thân khoảng 08 năm. Trong thời gian này, đôi bên không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm, bỏ mặc đời sống chung, mỗi người tự lo liệu cuộc sống riêng. Điều này cho thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của Anh Th, cho Anh Th được ly hôn chị Y.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, Anh Th và chị Y có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2004 và Nguyễn Phước Tấn, sinh năm 2006. Tại thời điểm xét xử, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi (thành niên), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đang đi học xa nhà. Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với con chung, chị Y không có văn bản trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Th xác định tự thỏa thuận, chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình: Anh Th phải nộp án phí 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T, cho anh Nguyễn Tấn T được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0006265 ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Gành H;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA.

Đỗ Thị An